

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN CHÂU  
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2018/DS-ST

Ngày: 20-6-2018.

V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản  
và Hợp đồng góp hui.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thành Chung**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà **Trần Thị Phúc**;

Bà **Phạm Thị Phương**.

*Thư ký phiên tòa:* Ông **Bùi Văn Cương**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*  
Bà **Nguyễn Thị Bích Ngọc** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 325/2017/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

*-Nguyên đơn:* Bà **Đào Thị C**, sinh năm 1954; địa chỉ cư trú: Tổ 8, ấp T, xã T H, huyện T C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

*Người đại diện hợp pháp của bà C:* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Tổ 4, khu phố 4, thị trấn T C, huyện T C, tỉnh Tây Ninh là Người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 23-11-2017 (có mặt).

*-Bị đơn:* Bà **Phạm Thị Mộng T**, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Tổ 2, ấp T, xã T H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện ngày 14-11-2017 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Do quen biết nên ngày 13/01/2017, bà C có cho bà T vay số tiền 150.000.000 đồng, có thể chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 22/5/2017, bà C đã trả

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho bà T để thế chấp Ngân hàng vay số tiền 150.000.000 đồng. Sau khi vay được tiền bà T có trả cho bà C được 100.000.000 đồng, còn nợ lại 50.000.000 đồng.

Bà C có tham gia một phần hội tháng 5.000.000 đồng do bà T làm thảo hội, trong đây hội có 15 phần. Bà C đã góp cho bà T được 11 kỳ hội sống, nếu tính luôn tiền lãi thì được 55.000.000 đồng. Đến ngày 22/02/2017, bà T tuyên bố bế hội và trả lại tiền cho những hội viên. Bà T và bà C thống nhất xác định bà T nợ bà C 37.000.000 đồng tiền hội.

Tổng cộng, bà T còn nợ bà C số tiền 87.000.000 đồng. Bà C có đi đòi nhiều lần nhưng bà T cứ hứa hẹn mà không trả nên bà C mới khởi kiện.

Nay bà đại diện cho bà C yêu cầu bà T trả cho bà C 50.000.000 đồng tiền vay và 37.000.000 đồng tiền hội, tổng cộng là 87.000.000 đồng. Bà C không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, bà C không có yêu cầu gì khác.

*Bị đơn bà T trình bày:*

Bà thừa nhận có vay số tiền 150.000.000 đồng vào ngày 13/01/2017, có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như bà C trình bày. Đến ngày 22/5/2017, bà lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp Ngân hàng vay số tiền 150.000.000 đồng. Sau khi vay được tiền Ngân hàng bà đã trả cho bà C được 100.000.000 đồng tiền gốc. Ngoài ra, từ khi vay đến khi vay được tiền Ngân hàng, bà có trả góp cho bà C mỗi ngày 300.000 đồng được khoảng 12.000.000 đồng, khi trả bà C có ghi vào sổ do bà C giữ. Từ ngày vay được tiền Ngân hàng, bà có trả góp cho bà C mỗi ngày 100.000 đồng được 3.600.000 đồng, khi trả bà C có ghi vào sổ do bà C giữ. Như vậy, tổng số tiền bà đã trả góp cho bà C là 15.600.000 đồng, trừ ra thì bà chỉ còn nợ bà C 34.400.000 đồng tiền vay.

Bà C có tham gia một phần hội tháng 5.000.000 đồng do bà làm thảo hội, trong đây hội có 15 phần. Bà C góp hội sống cho bà được 11 kỳ thì bà bị bế hội. Sau đó, bà xác định là bà còn nợ của bà C 37.000.000 đồng tiền hội.

Giữa bà và bà C có thỏa thuận cản trừ toàn bộ số tiền trên cụ thể như sau: Cản trừ cho chị T1 10.000.000 đồng; cản trừ cho anh L 8.000.000 đồng (anh L đã trả xong); cản trừ cho chị Lương Trinh Bích T (T2) 12.000.000 đồng; cản trừ cho chị Lương Trinh Lê T (T3) 38.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền đã cản trừ cho 4 người nói trên là 68.000.000 đồng, trừ ra bà còn nợ lại 3.400.000 đồng. Tuy nhiên, bà không nhớ thời gian cụ thể nhưng sau khi đã thỏa thuận cản trừ nợ xong thì hai bên có tính toán với nhau xác định bà chỉ còn nợ bà C 2.700.000 đồng, không làm giấy, không lấy lại giấy vay 150.000.000 đồng. Khi bà C ra về, bà có điện thoại xin bà C số tiền còn nợ thì bà C cũng đồng ý. Bà có nói với bà C là giữa bà và bà C không còn nợ nhau số tiền nào, không còn liên quan gì đến nhau, bà C cũng đồng ý. Việc cản trừ nợ như trên thì chị T1, anh L, chị T (T2), chị T (T3) đều đồng ý vì có trao đổi qua điện thoại trực tiếp với bà và bà C.

Cách đây khoảng một tháng, con gái của chị T (T3) có mang trả cho bà 1.000.000 đồng. Bà nghĩ là số tiền em gái chị T (T3) là chị T (T2) trả nên bà mới nhận. Ngày

16/5/2018, con gái của chị T (T3) có mang trả thêm cho bà số tiền 1.000.000 đồng. Bà hỏi tiền gì thì con gái bà T (T3) trả lời là trả tiền hụi của mẹ và bà cũng đồng ý nhận. Như vậy, chị T (T3) còn nợ bà số tiền 36.000.000 đồng. Đối với các giấy tờ, sổ sách ghi hụi thì bà đã làm thất lạc nên không thể cung cấp cho Tòa án được.

Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà C, bà không đồng ý trả cho bà C số tiền 87.000.000 đồng. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

*Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 463, 466, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C về việc yêu cầu bà T trả lại số tiền vay và tiền hụi còn nợ tổng cộng là 79.000.000 đồng.

+ Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn là bà Đào Thị C vắng mặt nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà C.

[2.2] Tại phiên tòa, bà H đại diện cho bà C xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền hụi là 8.000.000 đồng nên căn cứ vào quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự cần đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện này của bà C.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Tại phiên tòa, bà H đại diện cho bà C yêu cầu Tòa án buộc bà T trả cho bà C 50.000.000 đồng tiền vay và 29.000.000 đồng tiền hụi, tổng cộng là 79.000.000 đồng, bà C không yêu cầu tính lãi. Bà T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện, không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà C.

[2.2] Xét lời trình bày và yêu cầu của hai bên thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án bà C và bà T đều thừa nhận: Ngày 13/01/2017, bà T có vay của bà C số tiền 150.000.000 đồng; đến ngày 22/5/2017, bà T có trả cho bà C được 100.000.000 đồng;

bà C có tham gia góp hui do bà T làm thảo hui, sau khi bà T tuyên bố bế hui thì bà T nợ bà C số tiền 37.000.000 đồng nên căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết này là sự thật.

[2.3] Bà T cho rằng đã trả tiền vay cho bà C cụ thể như sau: trả 100.000.000 đồng ngày 22/5/2017 + 12.000.000 đồng trả góp mỗi ngày 300.000 đồng từ ngày 13/01/2017 đến ngày 22/5/2017, không làm giấy + 3.600.000 đồng trả góp mỗi ngày 100.000 đồng sau ngày 22/5/2017, không làm giấy, chỉ còn nợ lại 34.400.000 đồng. Cộng với số tiền nợ hui là 37.000.000 đồng, tổng cộng bà còn nợ bà C 71.400.000 đồng. Sau đó, giữa bà và bà C đã thỏa thuận cần trừ nợ với người khác và bà không còn nợ bà C số tiền nào. Tuy nhiên, bà C chỉ thừa nhận bà T mới trả được 100.000.000 đồng tiền vay, còn nợ lại 50.000.000 đồng và không thừa nhận việc cần trừ nợ. Qua làm việc thì chị T, chị T (T3) cũng không chấp nhận việc cần trừ nợ như bà T trình bày và điều thống nhất nợ của người nào thì người đó trả. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, bà T có nhận của chị T (T3) số tiền 2.000.000 đồng là tiền chị T (T3) trả nợ cho bà đối với số tiền mà bà cho rằng đã cần trừ với bà C cho thấy bà T cũng đã không thực hiện đúng thỏa thuận cần trừ nợ như bà trình bày. Ngoài lời trình bày của mình ra thì bà T cũng không đưa ra được chứng cứ nào khác chứng minh cho việc đã trả góp một phần tiền vay cho bà C nên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày trên của bà T.

[2.4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà C là có căn cứ chấp nhận. Cần buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền vay và tiền hui còn nợ tổng cộng 79.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Bà C không yêu cầu tính lãi nên cần ghi nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà T phải chịu 3.950.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn trả lại cho bà 2.175.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị C đối với bà Phạm Thị Mộng T về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng góp hui.

Buộc bà Phạm Thị Mộng T có nghĩa vụ trả lại cho bà Đào Thị C 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng tiền vay và 29.000.000 (hai mươi chín triệu) đồng tiền hui còn nợ,

tổng cộng là 79.000.000 (bảy mươi chín triệu) đồng. Ghi nhận bà Đào Thị C không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án bà Đào Thị C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án bà Phạm Thị Mộng T không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án bà Phạm Thị Mộng T còn phải trả cho người được thi hành án bà Đào Thị C số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị C về việc yêu cầu bà Phạm Thị Mộng T trả lại số tiền hui là 8.000.000 (tám triệu) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị Mộng T phải chịu 3.950.000 (ba triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Đào Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn trả lại cho bà Đào Thị C 2.175.000 (hai triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0024883 ngày 20/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (do bà Nguyễn Thị H là người nộp thay).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bà C, bà T biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Chung**